

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN như sau:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau :

“1. Thông tư này quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của các tổ chức, cá nhân được Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ

quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương) xem xét đặt hàng.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia* là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do bộ, ngành, địa phương được giao quản lý đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.”.

3. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng

1. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

2. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của quốc gia.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.”.

4. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia

1. Các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia trong phạm vi được giao quản lý.

2. Việc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia của các bộ, ngành, địa phương được giao quản lý phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện.

3. Với những đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương mình thì chủ động chuyển tới bộ, ngành, địa phương khác phù hợp với lĩnh vực quản lý được giao.”.

5. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia

1. Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý tổng hợp đề xuất đặt hàng và tự đề xuất đặt hàng theo những căn cứ quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng được thực hiện theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư này.

3. Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (gọi tắt là hội đồng hoặc hội đồng tư vấn) theo danh mục các nhiệm vụ được xem xét tại Khoản 2 Điều này và các quy định tại Chương IV của Thông tư này để xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia.

4. Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý, phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia và công bố công khai để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp, đồng thời chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, quản lý.”

6. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.”

7. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của quốc gia, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

3. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.”

8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, các bộ, ngành, địa phương thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương

mình và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu A1-ĐXNV; dự án theo Mẫu A2- ĐXNV và dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu A3-ĐXNV.

2. Tổng hợp các đề xuất đặt hàng

a) Bộ, ngành, địa phương tổng hợp các đề xuất đặt hàng và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết ở cấp quốc gia;

b) Bộ, ngành, địa phương lựa chọn các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng;

c) Đối với các đề xuất đặt hàng không thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình thì gửi bộ, ngành, địa phương được giao quản lý để xem xét đặt hàng thực hiện và thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi đề xuất.”

9. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Xây dựng đề xuất đặt hàng

Đối với các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo các quy định tại Chương IV của Thông tư này.”.

10. Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 của Thông tư này.

2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong các giai đoạn sản xuất;”.

11. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Thành lập hội đồng tư vấn

Thủ trưởng các bộ, ngành, địa phương được giao quản lý quyết định thành lập Hội đồng tư vấn theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.”

12. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Thành phần hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

2. Thủ trưởng các bộ, ngành, địa phương, căn cứ nội dung của đề xuất đặt hàng quyết định số lượng thành viên và thành phần của hội đồng phù hợp với quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Thủ trưởng bộ, ngành, địa phương có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại các Khoản 1 và 2 của Điều này.”

13. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 05 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng được thành lập có từ 05 đến 07 thành viên) hoặc ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng được thành lập có trên 07 thành viên), trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do bộ, ngành, địa phương cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo thông tư này: Mẫu B1-TVHĐ đối với đề tài, dự án; Mẫu B2-TVHĐ đối với đề án khoa học và Mẫu B3-TVHĐ đối với dự án khoa học và công nghệ;

b) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng.

3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng. Tài liệu gồm:

a) Đề xuất đặt hàng;

b) Trích lục yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 14 của Thông tư này;

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại khoản 2 Điều này;

d) Kết quả tra cứu thông tin của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức

đề tài, dự án theo Mẫu C0-TCTT ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

5. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tổng hợp đề hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

6. Bộ, ngành, địa phương cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng.”.

14. Sửa đổi Khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Đại diện bộ, ngành, địa phương tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.”

15. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý phân công Vụ trưởng các vụ hoặc thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại các Điều 6, 7, 8 của Thông tư này. Trường hợp cần thiết bộ, ngành, địa phương được giao quản lý lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến tư vấn (nếu có) quy định tại Khoản 1 Điều này, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, bộ, ngành, địa phương công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, bộ, ngành, địa phương được giao quản lý thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của mình để các tổ chức và cá nhân biết.”.

16. Thay thế các Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN bằng các Biểu mẫu ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2.

Bãi bỏ Điều 9, Điều 12, Điều 13, điểm e khoản 2 Điều 14 và Điều 22 của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, KHTH.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Chu Ngọc Anh

Formatted: English (United States)